



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Công nghiệp cao su Miền Nam

Ngày 28/06/2024	15,050 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	1.0%	25.4%

DT thuần Q2/24
1,265
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 118 10.3%
YoY: ▼ 103 -7.5%

LN thuần Q2/24
23.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.60 59.1%
YoY: ▲ 8.10 53.9%

LN sau thuế Q2/24
21.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.40 7.2%
YoY: ▲ 8.80 71.7%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/24
3.9%
YoY: +/- ▼ 0.7%

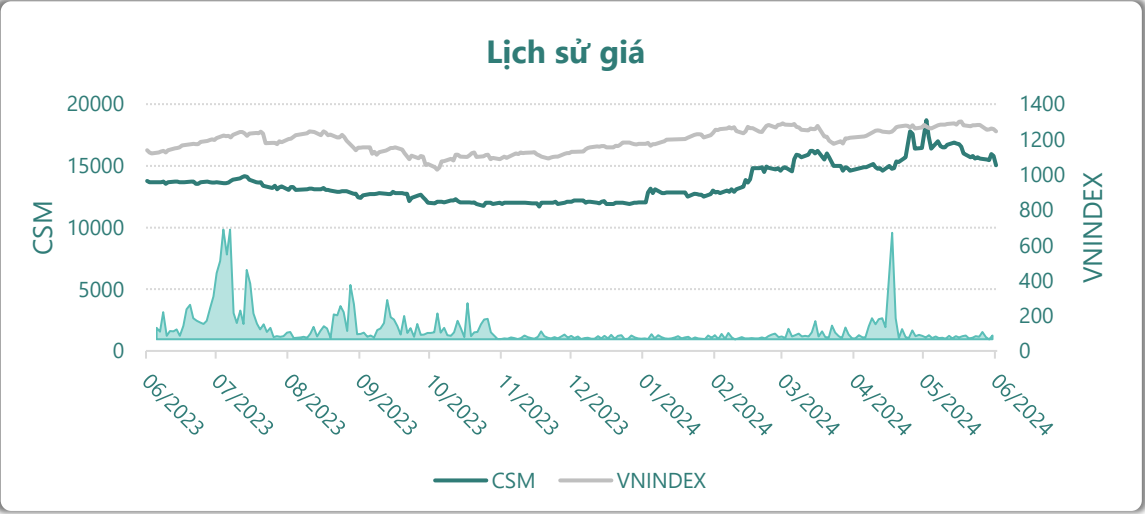
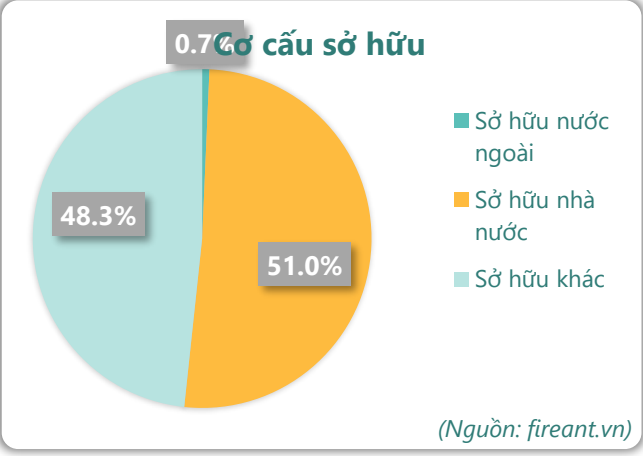
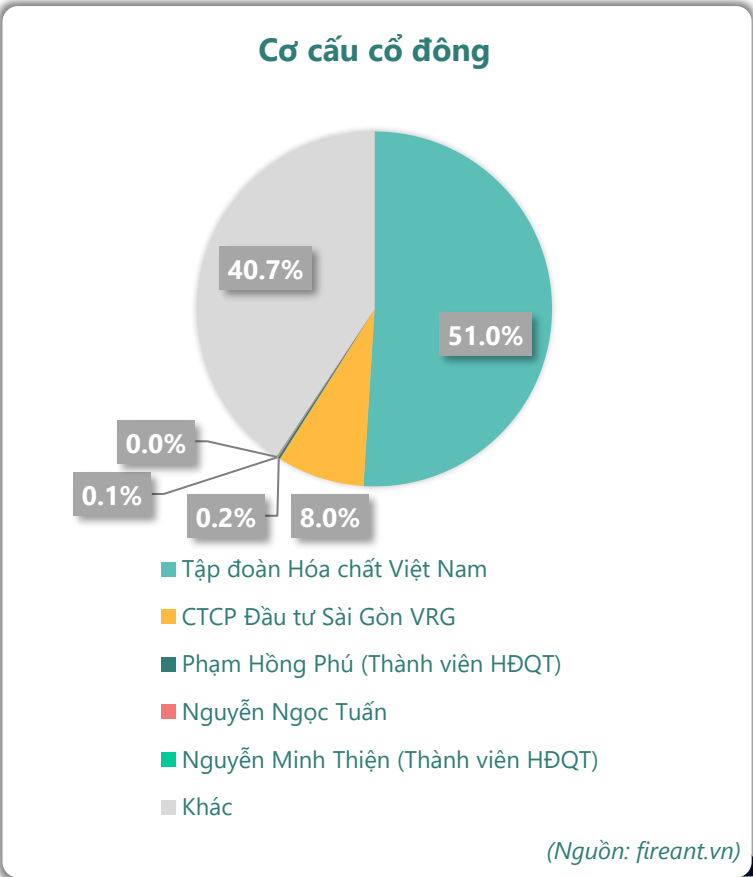
ROE (TTM) Q2/24
6.4%
YoY: +/- ▲ 0.8%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	11,700 - 18,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,560
Số lượng CPLH (CP)	103,625,262
KLGD BQ 20 phiên (CP)	98,110
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	0.72
EPS	804
P/E	18.7

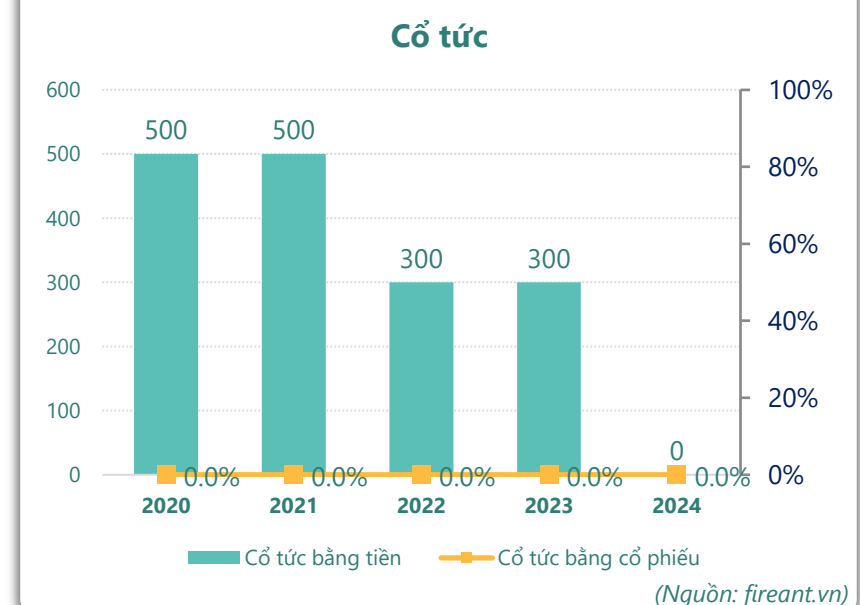
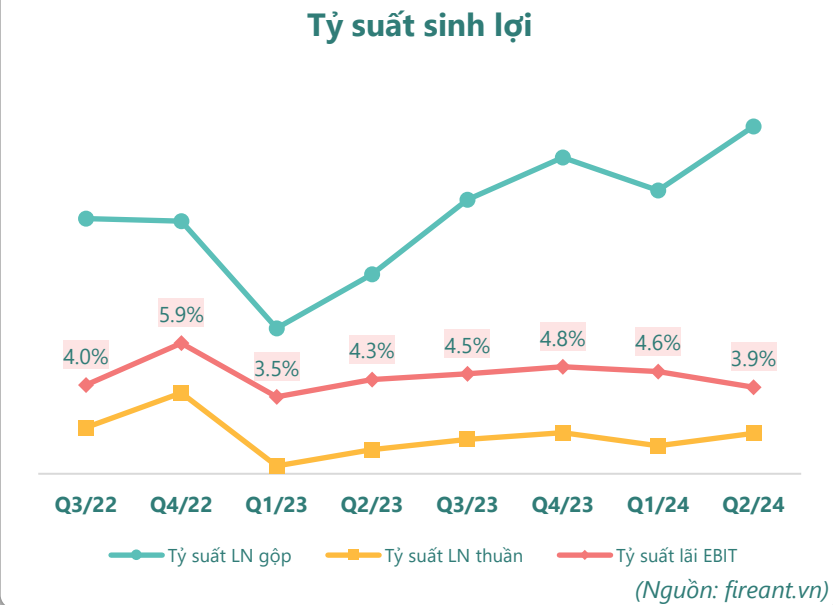
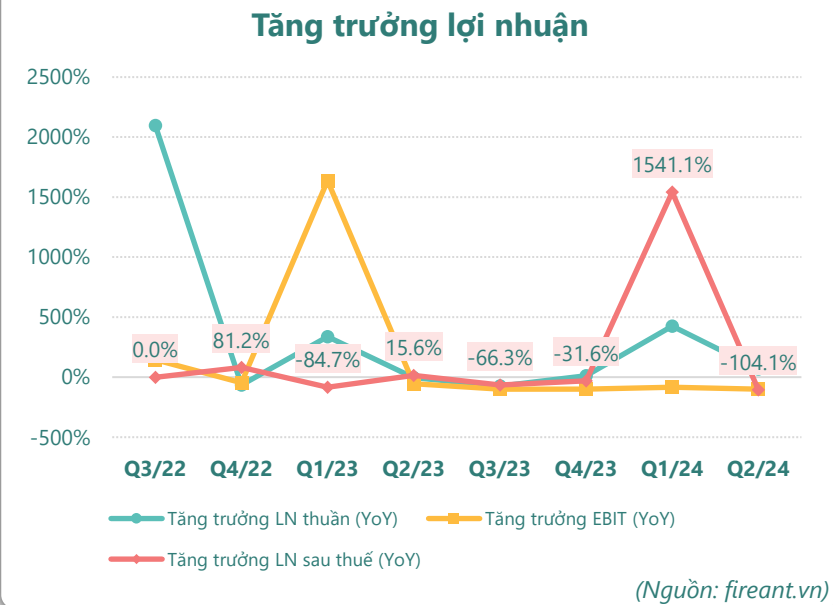
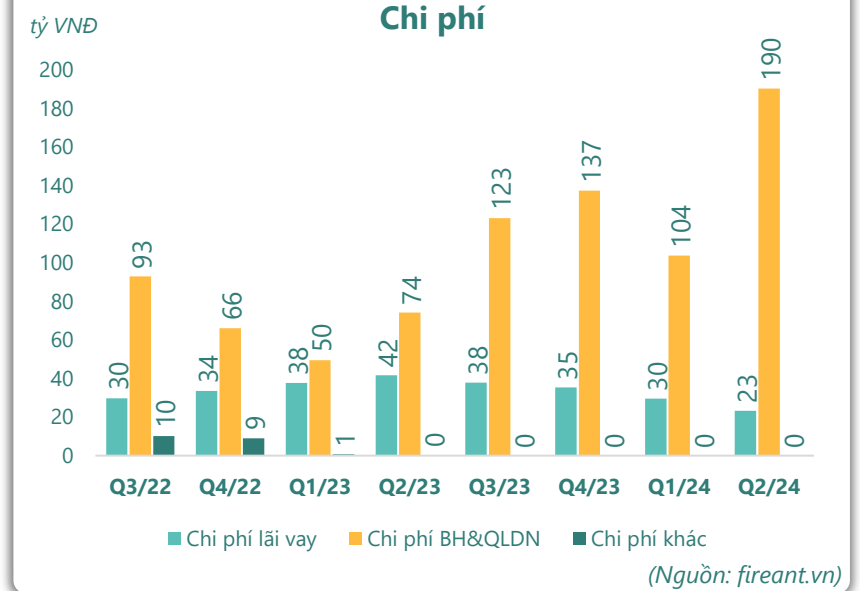
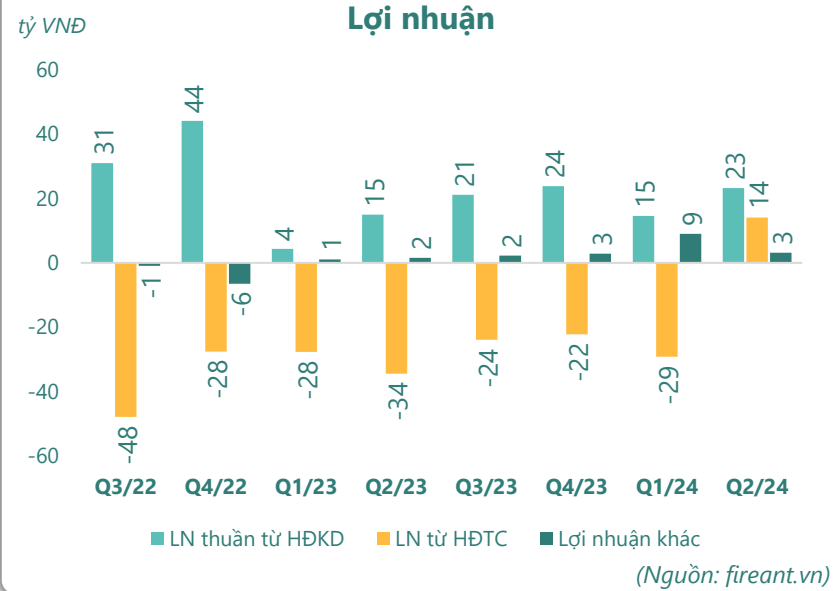
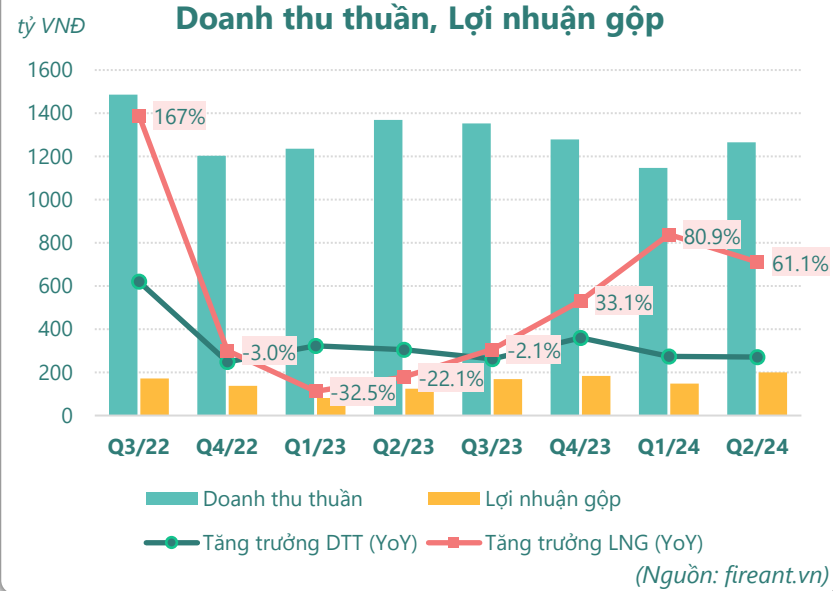
DT thuần 6T 2024
2,412
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 191 -7.3%

LN thuần 6T 2024
37.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 18.4 94.6%

LN sau thuế 6T 2024
40.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 21.4 110%

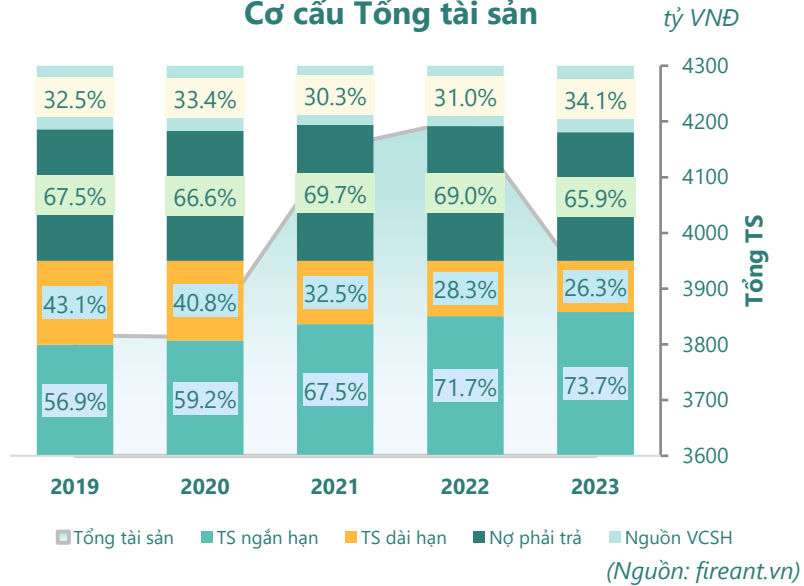


KẾT QUẢ KINH DOANH

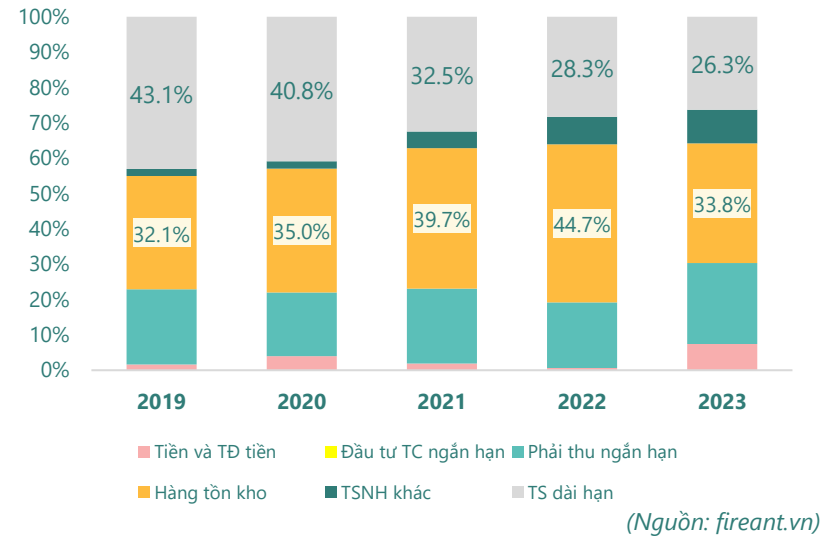


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

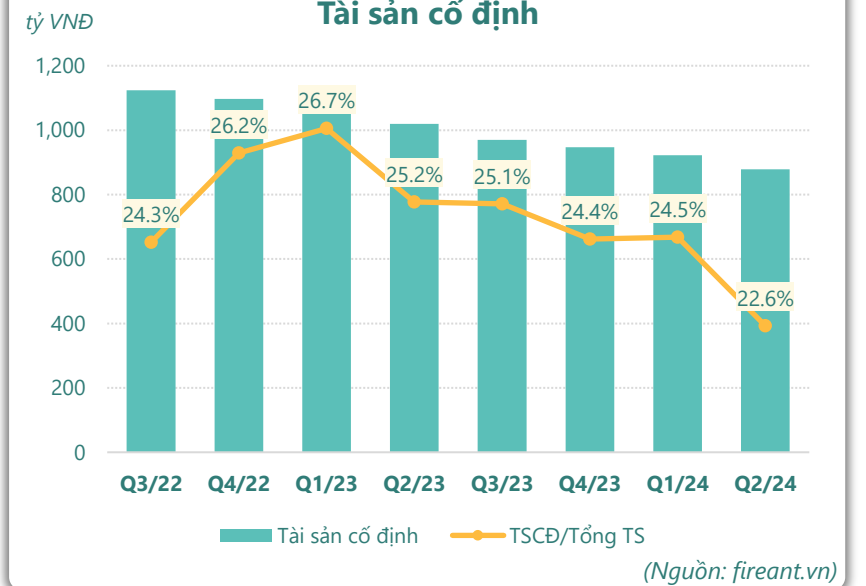
Cơ cấu Tổng tài sản



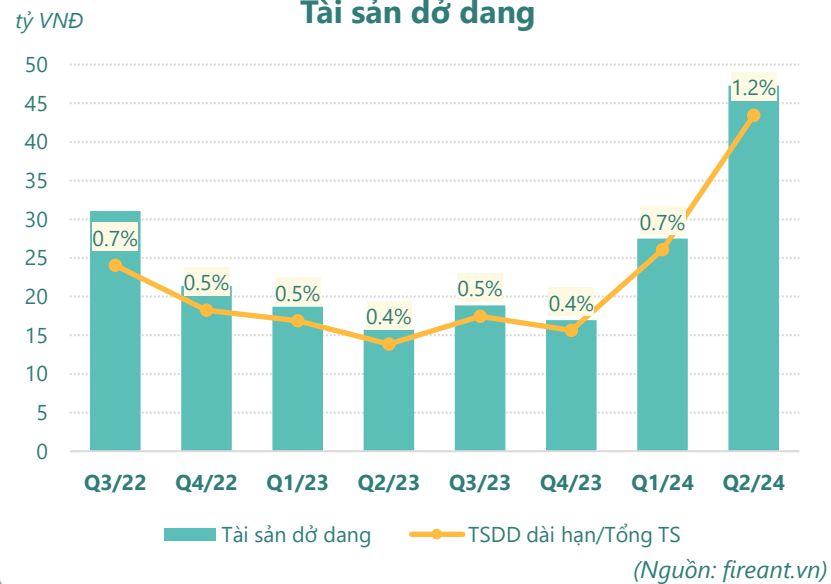
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



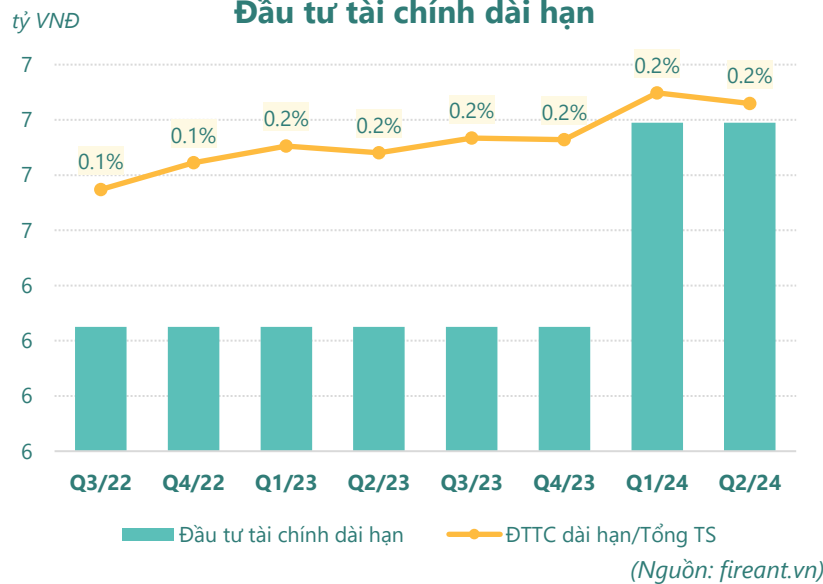
Tài sản cố định



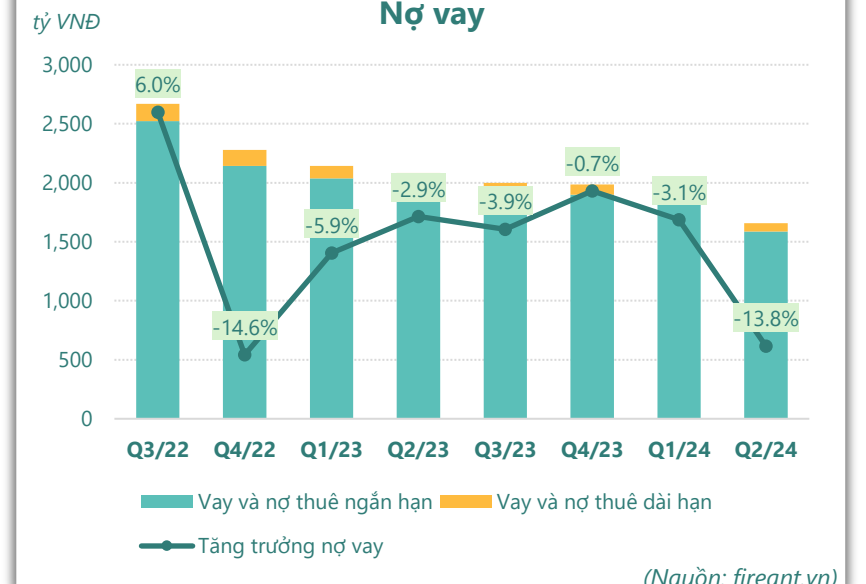
Tài sản dở dang



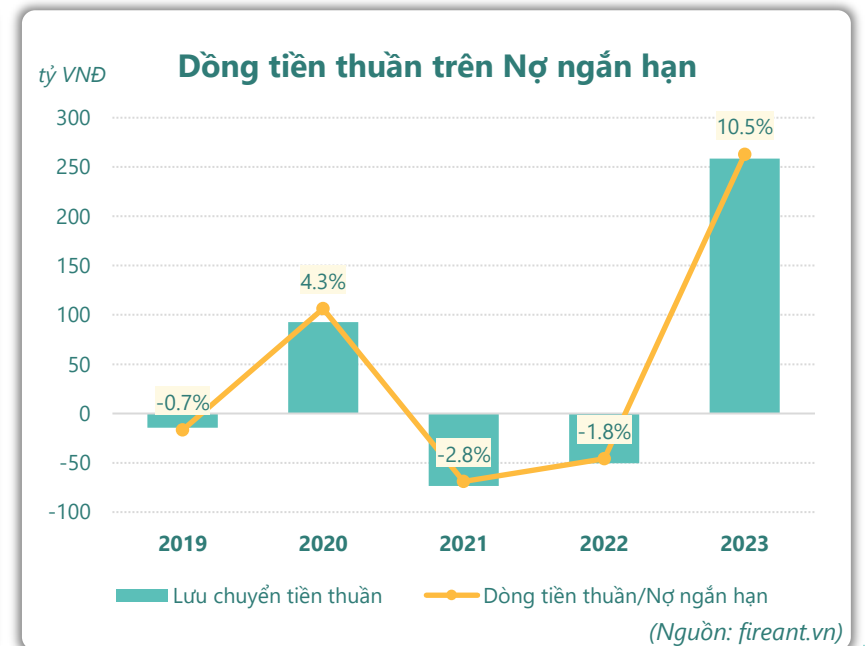
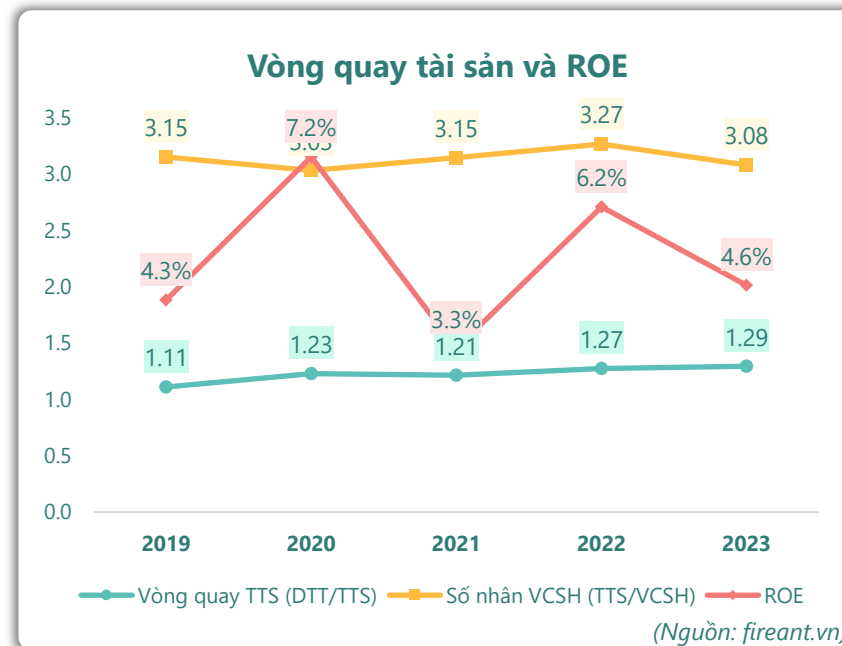
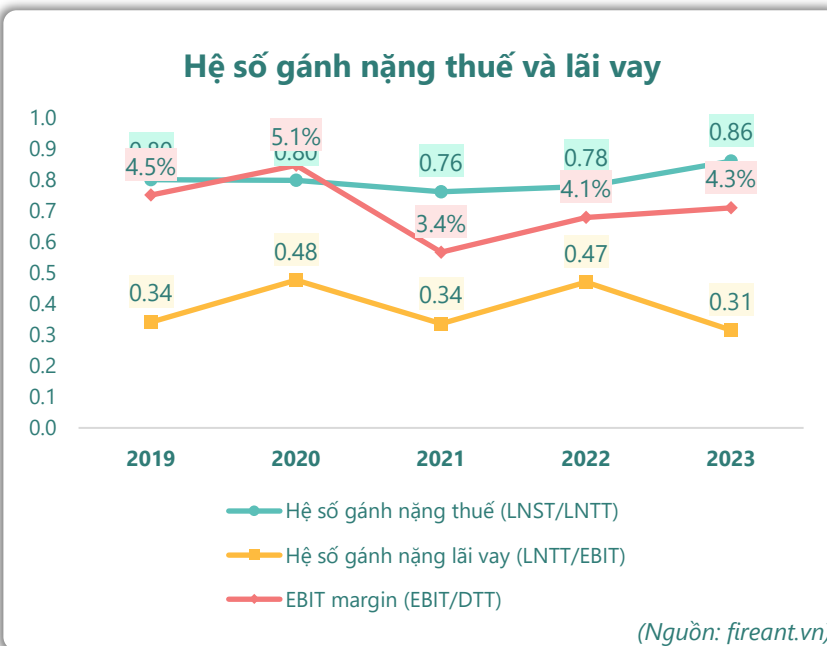
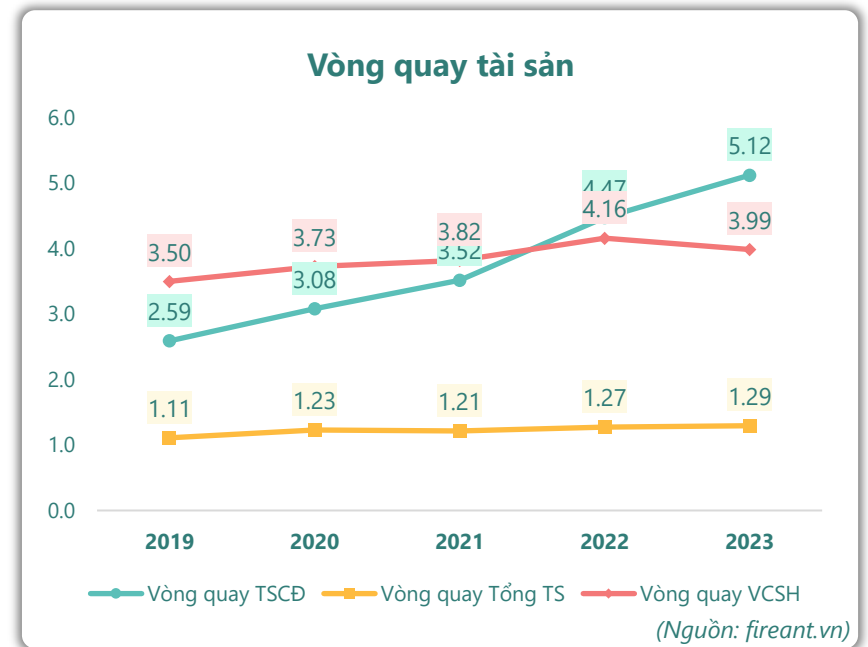
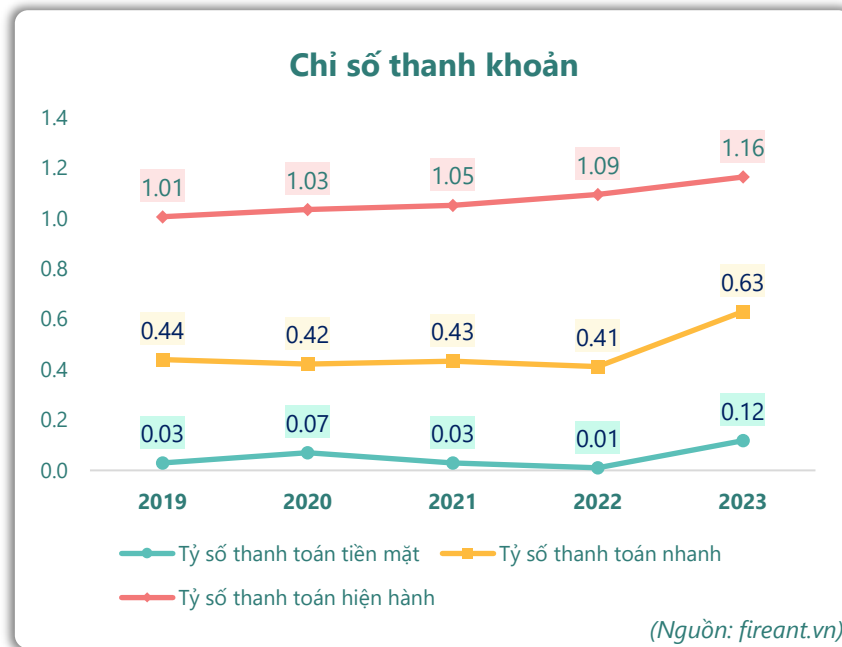
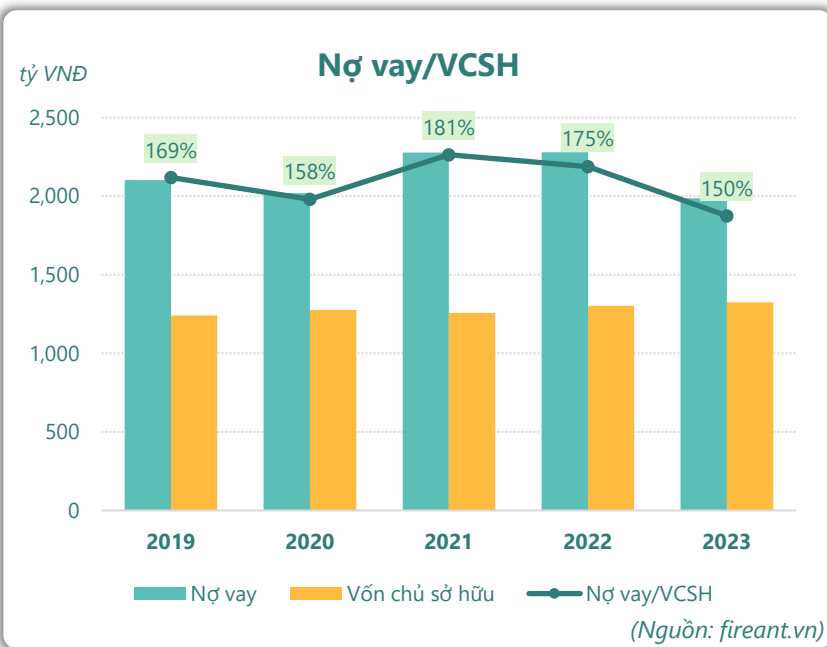
Đầu tư tài chính dài hạn



Nợ vay



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,265	1,368	-7.5%	2,412	2,603	-7.3%
Giá vốn hàng bán	1,066	1,245	-14.4%	2,065	2,398	-13.9%
Lợi nhuận gộp	199	124	60.8%	347	205	69.0%
Doanh thu HĐTC	41.1	8.97	358%	42.9	20.6	108%
Chi phí TC	26.9	43.4	-38.0%	58.0	82.7	-29.9%
Chi phí lãi vay	23.3	41.8	-44.3%	52.8	79.4	-33.5%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	92.9	43.0	116%	139	71.9	94.0%
Chi phí QLDN	97.5	31.3	211%	155	51.9	198%
LN thuần từ HĐKD	23.2	15.1	53.9%	37.8	19.4	94.6%
Lợi nhuận khác	3.17	1.60	98.0%	12.2	2.71	350%
LN trước thuế	26.4	16.7	58.1%	50.0	22.1	126%
Lợi nhuận sau thuế	21.1	12.3	71.7%	40.8	19.4	110%
LNST của CĐ cty mẹ	21.1	12.3	71.7%	40.8	19.4	110%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	303	20.6	97.3	126	-45.4	162
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	11.2	-27.2	38.1	-28.5	-31.3	13.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-198	-29.5	-138	87.2	-68.0	8.96
Tiền đầu kỳ	28.1	127	107	126	290	145
Lưu chuyển tiền thuần	117	-36.1	-2.40	184	-145	184
Ảnh hưởng tỷ giá	-17.6	16.4	20.7	-20.2	0	11.7
Tiền cuối kỳ	127	107	126	290	145	341

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	3,885	3,884	0.0%
Tài sản ngắn hạn	2,909	2,863	1.6%
Tiền và tương đương tiền	341	290	17.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	1,141	889	28.3%
Hàng tồn kho	1,048	1,313	-20.2%
Tài sản ngắn hạn khác	379	371	2.3%
Tài sản dài hạn	976	1,022	-4.4%
Phải thu dài hạn	0.99	0.99	0.0%
Tài sản cố định	879	947	-7.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	47.3	17.0	179%
Đầu tư tài chính dài hạn	6.99	6.25	11.8%
Tài sản dài hạn khác	42.3	50.9	-16.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,556	2,560	-0.1%
Nợ ngắn hạn	2,464	2,458	0.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,587	1,900	-16.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	511	341	49.9%
Nợ dài hạn	92.7	102	-8.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	71.0	86.7	-18.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,329	1,324	0.4%
Vốn chủ sở hữu	1,329	1,324	0.4%
Vốn điều lệ	1,036	1,036	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

